

CÔNG BẰNG TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ: TỔNG QUAN SO SÁNH HỆ THỐNG CÁC CHUẨN MỰC PHÁP LÝ VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

TRỊNH DUY THUYỀN *

VÕ THỊ KIM OANH **

Tóm tắt: Công bằng trong tố tụng hình sự không chỉ được nhìn nhận qua quyền của người bị buộc tội mà còn gắn với tính hợp pháp của thủ tục, bảo đảm thể chế, minh bạch tư pháp và niềm tin công chúng. Bài viết tổng quan hệ thống nghiên cứu quốc tế và trong nước nhằm nhận diện hướng tiếp cận chủ yếu và rút ra hàm ý cho Việt Nam. Từ 3.528 công trình trên cơ sở dữ liệu Scopus, sau sàng lọc theo PRISMA 2020, 239 nghiên cứu phù hợp được lựa chọn phân tích. Bài viết kết hợp phân tích nội dung định tính với phân tích trắc lượng bằng VOSviewer và khảo sát nghiên cứu trong nước. Kết quả cho thấy ba hướng tiếp cận: bảo đảm quyền tố tụng cá nhân; bảo đảm tính hợp pháp của thủ tục và bảo đảm cấu trúc, thể chế; tiếp cận công bằng như một nguyên tắc hiến định gắn với minh bạch, tính chính danh và niềm tin công chúng. Nghiên cứu quốc tế còn khoảng trống về công nghệ và đối thoại xuyên khu vực. Tại Việt Nam, nghiên cứu còn phân tán theo từng quyền cụ thể, chưa hình thành khung tiếp cận tổng thể. Bài viết đề xuất phát triển quan niệm công bằng tố tụng theo hướng tích hợp bảo vệ quyền cá nhân, kiểm soát tính hợp pháp của thủ tục và các bảo đảm phù hợp với số hoá tư pháp.

Từ khoá: Công bằng tố tụng hình sự; quyền được xét xử công bằng; quyền bào chữa

Nhận bài: 19/8/2025

Hoàn thành biên tập: 30/5/2026

Duyệt đăng: 30/5/2026

FAIRNESS IN CRIMINAL PROCEDURE: A SYSTEMATIC COMPARISON OF STANDARDS AND IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Abstract: Fairness in criminal procedure is understood not only in terms of the rights of accused persons but also in relation to procedural legality, institutional safeguards, judicial transparency, and public trust. This article conducts a systematic review of international and Vietnamese scholarship to identify the principal approaches to fairness in criminal procedure and draw implications for Vietnam. Of 3,528 publications retrieved from Scopus, 239 were selected for analysis following screening under the PRISMA 2020 framework. The article combines qualitative content analysis with bibliometric analysis using VOSviewer and examines relevant Vietnamese scholarship. The findings reveal three principal approaches: protecting procedural rights of individuals; assuring procedural legality, and safeguarding structures and institutions; and conceptualising fairness as a constitutional principle associated with transparency, legitimacy, and public trust. International scholarship still contains gaps concerning technological developments and cross-regional dialogue. The research in Vietnam remains fragmented around specific procedural rights and has yet to establish a comprehensive framework for fairness in criminal procedural. The article therefore proposes developing an integrated conception of procedural fairness that combines the protection of individuals' rights, scrutiny of procedural legality, and safeguards appropriate to the digitalisation of criminal justice.

Keywords: Fairness in criminal procedure; the right to a fair trial; right to legal counsel

Received: 19 August 2025; Editing completed: 30 May 2026; Accepted for publication: 30 May 2026

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý nhà nước, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. E-mail: thuyentd@ueh.edu.vn

** Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. E-mail: vtkoanh@hcmulaw.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Công bằng trong tố tụng hình sự (fairness in criminal procedure) từ lâu đã được thừa nhận là nền tảng của nhà nước pháp quyền và hệ thống nhân quyền quốc tế. Các quy định tại Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và Điều 6 Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR) khẳng định mọi cá nhân có quyền được xét xử công bằng, công khai bởi một toà án độc lập, vô tư. Trên thực tế, những chuẩn mực này không chỉ mang ý nghĩa pháp lý quốc tế mà còn trở thành thước đo để đánh giá hiệu quả tư pháp hình sự của từng quốc gia¹. Những quy định nền tảng này vừa đóng vai trò “chuẩn mực tham chiếu” toàn cầu, vừa là căn cứ để đánh giá hiệu quả cải cách tư pháp. Trong các nghiên cứu gần đây của học giả quốc tế, công bằng trong tố tụng hình sự được tiếp cận theo ba hướng nổi bật, phản ánh sự giao thoa giữa lý luận, thực tiễn xét xử và cải cách pháp luật.

Thứ nhất, hướng tiếp cận dựa trên quyền và mô hình tranh tụng (rights-based and adversarial approach) tập trung vào nội hàm các quyền tố tụng cốt lõi như quyền được xét xử công bằng, nguyên tắc bình đẳng trong tranh tụng (equality of arms), quyền được xét xử bởi thẩm phán đúng thẩm quyền, quyền công bố và phản biện chứng cứ, cùng với vấn đề giá trị của xét xử vắng mặt và loại trừ chứng cứ do thu thập trái luật.

Thứ hai, nghiên cứu về tính hợp pháp của thủ tục và thiết kế cấu trúc thể chế (procedural

legality and institutional design) nhấn mạnh tính hợp pháp, hợp lý và minh bạch của toàn bộ tiến trình tố tụng, gắn với nguyên tắc nhà nước pháp quyền và độc lập tư pháp.

Thứ ba, hướng nghiên cứu tiếp cận công bằng dưới góc độ hiến pháp và xã hội học pháp lý (constitutional and socio-legal fairness) mở rộng phạm vi nghiên cứu công bằng sang bình diện cảm nhận của công chúng, niềm tin vào hệ thống tư pháp và mức độ chính danh của cơ quan tiến hành tố tụng.

Phân tích cho thấy ba hướng tiếp cận này tạo thành mạng lưới nghiên cứu liên kết chặt chẽ giữa các nhóm chủ đề xét xử công bằng, (fair trial), công bằng tố tụng (procedural fairness) và nhà nước pháp quyền (rule of law), phản ánh xu thế phát triển đa chiều của học thuyết công bằng trong tố tụng hình sự đương đại.

Tuy vậy, sự phân bố nghiên cứu giữa các khu vực pháp lý vẫn còn mất cân đối. Dữ liệu sau sàng lọc cho thấy, phần lớn các công trình tập trung vào châu Âu, đặc biệt trong khuôn khổ Công ước châu Âu về quyền con người (European Convention on Human Rights - ECHR) và án lệ của Toà án Nhân quyền châu Âu (European Court of Human Rights - ECtHR). Các chủ đề được quan tâm nhiều bao gồm nguyên tắc bình đẳng trong tranh tụng (equality of arms), việc xác định thẩm phán theo luật định, xét xử trực tuyến và các quyền tố tụng cơ bản. Một số nghiên cứu cũng khảo sát các hệ thống pháp luật ngoài châu Âu như Nam Phi và Azerbaijan nhưng chủ yếu theo hướng đối chiếu và so sánh pháp luật. Trong khi đó, ở Đông Nam Á và Việt Nam vẫn thiếu các tổng quan có hệ thống và các bằng chứng thực nghiệm về công bằng trong các giai đoạn: điều tra, truy tố và xét xử

¹ European Court of Human Rights (2026), *Guide on Article 6 of the European Convention on Human Rights: Right to a Fair Trial (Criminal Limb)*, https://ks.echr.coe.int/documents/d/echr-ks/guide_art_6_criminal_eng, truy cập 12/5/2026.

cũng như về tác động của cải cách tố tụng đối với niềm tin của người dân. Khoảng trống này cho thấy nhu cầu tiếp tục nghiên cứu và cung cấp cơ sở thực chứng cho quá trình hoàn thiện pháp luật và chính sách tư pháp, đặc biệt trong bối cảnh số hoá hoạt động tố tụng và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đang đặt ra những thách thức mới đối với việc bảo đảm công bằng. Trong bối cảnh đó, Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2025 (BLTTHS) đã quy định nhiều nội dung để bảo đảm các quyền nhằm thực hiện “nguyên tắc công bằng” như: quyền bào chữa, quyền im lặng, kiểm soát tư pháp đối với các biện pháp cưỡng chế, nguyên tắc tranh tụng và yêu cầu xét xử công bằng, kịp thời. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự khác biệt giữa quy định trong văn bản quy phạm pháp luật và thực tiễn áp dụng vẫn là khoảng cách đáng kể². Nhiều nhà nghiên cứu “nhấn mạnh” nguyên tắc tranh tụng trong BLTTHS còn gặp rào cản thực tiễn khi vai trò của luật sư chưa được phát huy đầy đủ³; bảo đảm xét xử công bằng đòi hỏi phải đồng thời cải cách cả thể chế và phương thức xét xử, tránh tình trạng “hình thức hoá quyền con người”⁴. Thêm vào đó,

các học giả khác nhấn mạnh yêu cầu đổi mới hoạt động xét xử để quyền con người và quyền công dân thực sự được bảo đảm trong bối cảnh cải cách tư pháp⁵... Những nghiên cứu này cho thấy Việt Nam đã có những bước phát triển trong việc bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự nhưng vẫn cần một tổng quan có hệ thống để nhận diện các khoảng trống nghiên cứu và đối chiếu với các chuẩn mực quốc tế. Đồng thời, mối quan hệ giữa quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện cần tiếp tục được làm rõ thông qua các bằng chứng có hệ thống về những vấn đề như tiếp cận luật sư từ giai đoạn sớm, công bố và kiểm tra chứng cứ, quyền đối chất và bảo đảm thời hạn tố tụng. Yêu cầu này càng trở nên đáng chú ý trong bối cảnh chứng cứ điện tử và công nghệ ngày càng được sử dụng trong hoạt động tố tụng, đặt ra những vấn đề mới đối với việc bảo đảm quyền tố tụng và tính công bằng của quá trình xét xử.

Xuất phát từ các khoảng trống nêu trên, bài viết này tiến hành một tổng quan học thuật có hệ thống theo tiêu chuẩn PRISMA 2020⁶, kết hợp bibliometric/VOSviewer⁷ trên

² Lê Xuân Lục (2024), “Bàn về nguyên tắc xét xử công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, số 6 (78), <https://khoahoc.kiemsat.hpu.vn/portal/article/view/406>, truy cập 19/8/2025.

³ Đặng Văn Vương, Xuân Thoại (2022), “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm - Quy định và thực tiễn thực hiện”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*, <https://lsvn.vn/nguyen-tac-tranh-tung-trong-xet-xu-duoc-bao-dam-quy-dinh-va-thuc-tien-thuc-hien-1650638840-a117931.html>, truy cập 19/02/2025.

⁴ Võ Minh Kỳ (2018), “Quyền im lặng của người bị buộc tội và các bảo đảm pháp lý trong tố tụng hình

sự”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 13 (340), <https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/207231/Quyen-im-lang-cua-nguoi-bi-buoc-toi-va-cac-dam-bao-phap-ly-trong-to-tung-hinh-su.html>, truy cập 09/5/2025.

⁵ Võ Quốc Tuấn (2022), “Quyền được xét xử công bằng của bị cáo tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự ở Việt Nam - Thực trạng và kiến nghị”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 4, <https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/211040/Quyen-duoc-xet-xu-cong-bang-cua-bi-cao-tai-phiien-toa-xet-xu-vu-an-hinh-su-o-Viet-Nam---Thuc-trang-va-kien-nghi.html>, truy cập 19/6/2025.

⁶ PRISMA (Preferred Reporting Items for Systematic Reviews and Meta-Analyses) là bộ hướng dẫn nhằm tăng tính minh bạch và đầy đủ trong việc báo cáo tổng quan có hệ thống. Phiên bản PRISMA 2020 bao gồm danh mục kiểm tra 27 nội dung và các sơ

hệ thống cơ sở dữ liệu Scopus giai đoạn 2020 - 2025, với chuỗi từ khoá tìm kiếm: “fair trial”, “procedural fairness”, “fairness in criminal procedure”, “due process”, “equality of arms”. Bộ dữ liệu sau sàng lọc còn 239 công trình, được sử dụng để nhận diện các hướng tiếp cận chủ yếu, cấu trúc chủ đề và khoảng trống nghiên cứu về công bằng trong tố tụng hình sự, đồng thời đối chiếu với tình hình nghiên cứu tại Việt Nam. Qua đó nhằm phác họa bản đồ tri thức về công bằng trong tố tụng hình sự trên phạm vi toàn cầu; tổng hợp các cụm chủ đề trọng tâm và xu hướng phương pháp; nhận diện khoảng trống so sánh liên quan đến Việt Nam và khu vực, từ đó đề xuất định hướng cải cách gắn với đo lường thực chứng và quản trị số công bằng.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Quy trình lựa chọn công trình nghiên cứu

Trong các công trình nghiên cứu khoa học, đặc biệt là tổng quan hệ thống, quy trình lựa chọn công trình nghiên cứu đóng vai trò như “cửa ngõ” bảo đảm tính minh bạch và giá trị học thuật của kết quả tổng hợp. Việc lựa chọn một cách ngẫu nhiên hoặc thiếu căn cứ rõ ràng sẽ dẫn đến nguy cơ thiên lệch, khiến cho các kết luận về công

bằng trong tố tụng hình sự không còn sức thuyết phục. Do đó, các tác giả áp dụng chuẩn mực quốc tế PRISMA 2020 nhằm bảo đảm quy trình sàng lọc tư liệu có tính toàn diện⁸, tăng cường tính minh bạch, khả năng tái lập và chất lượng báo cáo trong các tổng quan hệ thống. Từ cơ sở dữ liệu Scopus, quá trình tìm kiếm ban đầu xác định 3.528 công trình có liên quan đến chủ đề công bằng trong tố tụng hình sự. Sau khi sàng lọc tiêu đề và tóm tắt, 648 công trình được tiếp tục xem xét; 388 công trình bị loại do không đáp ứng tiêu chí nghiên cứu, chủ yếu vì không thuộc phạm vi tư pháp hình sự. Ở giai đoạn đánh giá toàn văn, 260 công trình được xem xét và 21 công trình tiếp tục bị loại vì không phù hợp với phạm vi nghiên cứu. Kết quả cuối cùng, 239 công trình đáp ứng đầy đủ tiêu chí và được đưa vào phân tích. Các tài liệu này được xử lý theo hai hướng:

Thứ nhất, phân tích nội dung định tính được sử dụng để nhận diện các luận điểm, tranh luận học thuật và hướng tiếp cận pháp lý chủ yếu.

Thứ hai, phân tích trắc lượng thư mục bằng VOSviewer được sử dụng để xác định tần suất, sự đồng xuất hiện của từ khoá và cấu trúc các cụm chủ đề nghiên cứu. Quy trình này tạo cơ sở cho việc xác định các xu hướng và khoảng trống nghiên cứu được trình bày ở các phần tiếp theo.

2.2. Đặc điểm tổng quan của các nghiên cứu quốc tế

Từ góc độ so sánh, các công trình giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy bức tranh học thuật

đồ dòng nhằm mô tả quá trình nhận diện, sàng lọc, đánh giá điều kiện và lựa chọn nghiên cứu.

⁷ Phân tích trắc lượng thư mục (bibliometric analysis) sử dụng dữ liệu thư mục để nhận diện cấu trúc, xu hướng và các mối liên hệ trong một tập hợp công trình khoa học. Trong nghiên cứu này, VOSviewer được sử dụng để phân tích tần suất và sự đồng xuất hiện của từ khoá, qua đó nhận diện các cụm chủ đề và mối liên hệ giữa các hướng nghiên cứu. VOSviewer là phần mềm được phát triển để xây dựng và phân tích các mạng lưới trắc lượng thư mục, bao gồm quan hệ trích dẫn, đồng trích dẫn, đồng tác giả và đồng xuất hiện thuật ngữ.

⁸ Matthew J. Page et al. (2021), “The PRISMA 2020 statement: an updated guideline for reporting systematic reviews”, *The British Medical Journal*, Vol. 372, Article n71, DOI: 10.1136/bmj.n71

về “công bằng trong tố tụng hình sự” đang hình thành ở các hướng tiếp cận nổi bật.

Thứ nhất, cách tiếp cận dựa trên quyền và các bảo đảm gắn với mô hình tranh tụng

Dòng nghiên cứu này khẳng định chuẩn mực xét xử công bằng (fair trial) phải vận hành qua các cơ chế quyền cụ thể: quyền đối chất, quyền tham gia tại phiên tòa và quy tắc loại trừ chứng cứ trái luật. Ở châu Âu, phân tích chuẩn mực ECHR cho thấy việc sử dụng lời khai vắng mặt/gián tiếp để “nghiên cứu cân” nếu không bảo đảm quyền đối chất thực chất; do đó, nhiều học giả đề xuất chuẩn đánh giá nghiêm ngặt để ngăn ngừa thao túng công bằng⁹. Về hoạt động xét xử, nghiên cứu về xét xử trực tuyến và qua video cảnh báo nguy cơ suy giảm khả năng biện hộ của bị can bị giam giữ, nhất là quyền trao đổi riêng tư với luật sư, khả năng đánh giá chứng cứ miệng và tính công khai của phiên tòa¹⁰. Về chứng cứ, trường hợp thu thập trái luật trong án rửa tiền được phân tích dưới góc nhìn cân bằng giữa hiệu quả đấu tranh tội phạm và chuẩn công bằng, gợi ý áp dụng tiêu chuẩn tiếp nhận có điều kiện dựa trên mức độ xâm hại quyền con người và tác động đến tính công bằng tổng thể¹¹. Một số tác giả còn cảnh báo rằng việc

sửa đổi nội dung buộc tội mà không bảo đảm cho người bị buộc tội được thông tin đầy đủ và có cơ hội thực chất để chuẩn bị lại việc bào chữa có thể làm cho thủ tục mang tính “Kafkaesque trial”¹² thay vì xét xử công bằng (fair trial)¹³. Tựu trung, nhóm nghiên cứu hướng quyền cho rằng “công bằng” đồng nghĩa với năng lực phòng vệ hiệu quả, được bảo đảm bởi nguyên tắc bình đẳng trong tranh tụng, quyền đối chất, quyền có luật sư và các rào chắn đối với chứng cứ bất chính.

Những chủ đề điển hình trong bộ dữ liệu Scopus: a) phê bình án lệ ECHR về chứng cứ và quyền đối chất điển hình là phân tích lại hệ quả của AI Khawaja and Tahery đối với quyền được đối chất nhân chứng và tiêu chuẩn chấp nhận chứng cứ gián tiếp¹⁴; b) tính hợp hiến/tính hợp pháp của xét xử vắng mặt (in absentia) trong bối cảnh chuyển đổi pháp luật¹⁵; c) quyền được xét xử bởi thẩm

cases in Pakistan”, *Journal of Financial Crime*, Vol. 32, No. 3, tr. 595 - 602, DOI: 10.1108/JFC-05-2024-0160

¹² “Kafkaesque” là thuật ngữ bắt nguồn từ thế giới văn chương của Franz Kafka, được sử dụng trong nghiên cứu này để mô tả một quá trình tố tụng mà người bị buộc tội không được biết rõ hoặc không thể dự liệu đầy đủ nội dung buộc tội, khiến họ không có cơ hội thực chất để tổ chức việc bào chữa. Trong phân tích của Briški, một thủ tục như vậy đối lập với xét xử công bằng, trong đó người bị buộc tội phải được biết về sự thay đổi của nội dung buộc tội và có cơ hội đáp lại sự thay đổi đó.

¹³ Lora Briški (2025), “Modification of criminal charges: European line between a Kafkaesque process and a fair trial”, *New Journal of European Criminal Law*, Vol. 16, No. 2, tr. 213 - 232, DOI: 10.1177/20322844251348130

¹⁴ Roberto E. Kostoris (2025), tldđ.

¹⁵ Lala Mammadova (2025), “The Role of in Absentia Trials in Azerbaijan: Balancing Judicial Efficiency and Fair Trial Rights During Legal Transition”,

⁹ Roberto E. Kostoris (2025), “Against ‘AI Khawaja and Tahery’ and the following ECtHR case law: The need to seek basic principles of fair trial assessment to prevent abuses and manipulations”, *New Journal of European Criminal Law*, Vol. 16, No. 1, tr. 53 - 67, DOI: 10.1177/20322844251319123

¹⁰ Ana Lúcia Tavares Ferreira (2025), “Remote Hearings in Criminal Procedures and Prisoners’ Fundamental Rights: Is Videoconferencing the New Metal Cage?”, *European Journal of Crime, Criminal Law and Criminal Justice*, Vol. 33, Nos. 1 - 2, tr. 43 - 63, DOI: 10.1163/15718174-bja10066

¹¹ Muhammad Fahad Anwar (2025), “Admissibility of illegally obtained evidence in money laundering

phán đoán thẩm quyền và cơ chế phân công vụ án, như một cơ chế thể chế của “toà độc lập và vô tư”¹⁶; d) bảo đảm thời hạn hợp lý thông qua các cơ chế thủ tục (ví dụ, thoả thuận nhận tội) và các biện pháp khắc phục khi vi phạm¹⁷; e) trực tuyến hoá tố tụng (xử trực tuyến, trực tuyến hoá tham gia tố tụng của người bị tước tự do) cùng những hệ quả đối với quyền được xét xử công khai, quyền tiếp cận luật sư và phẩm giá bị can/bị cáo¹⁸; f) nguy cơ thiên lệch thuật toán và lời hứa của AI trong xét xử/ra quyết định tư pháp, đe dọa hoặc củng cố công bằng trong tố tụng tùy vào cơ chế minh bạch, giải trình¹⁹; g) khả năng chấp nhận chứng cứ thu thập trái luật và bài toán cân bằng giữa hiệu quả đấu tranh tội phạm đặc biệt tội phạm tài chính với bảo đảm xét xử công bằng²⁰.

Revista Jurídica Portucalense, No. 37, DOI: 10.34625/issn.2183-2705(37)2025.ic-20

¹⁶ Marcell Fényes, Krisztina F. Rozsnyai (2025), “Chambers or Panels? - (Un)ambiguity in the Administration of Hungarian Courts?”, *International Journal for Court Administration*, Vol. 16, No. 1, DOI: 10.36745/ijca.591

¹⁷ Andrei-Viorel IUGAN (2025), “Legislative Remedies to Ensure the Reasonable Term in a Criminal Trial. The Plea Agreement: Romania’s Experience”, *Balkan Social Science Review*, No. 25, DOI: 10.46763/BSSR 252525225i

¹⁸ Ana Lúcia Tavares Ferreira (2025), “Remote Hearings in Criminal Procedures and Prisoners’ Fundamental Rights: Is Videoconferencing the New Metal Cage?”, *European Journal of Crime, Criminal Law and Criminal Justice*, Vol. 33, Nos. 1-2, DOI: 10.1163/15718174-bja10066

¹⁹ Giovana Peluso Lopes (2025), “Bias in Adjudication and the Promise of AI: Challenges to Procedural Fairness”, *Law, Technology and Humans*, Vol. 7, No. 1, DOI: 10.5204/lthj.3812

²⁰ Muhammad Fahad Anwar (2025), “Admissibility of illegally obtained evidence in money laundering

Thứ hai, tiếp cận công bằng từ tính hợp pháp của thủ tục và thiết kế thể chế. Các nghiên cứu này xuất phát từ tiền đề, nếu cấu trúc thể chế của tố tụng được thiết kế hợp lý, công bằng sẽ tự khắc hiện hữu. Các trụ cột tiêu biểu là: thẩm phán, thời hạn hợp lý và điều kiện hợp lệ của xét xử vắng mặt. Về thẩm phán, các nghiên cứu nhấn mạnh cơ chế phân công minh bạch, ngẫu nhiên và có thể kiểm soát được là điều kiện cần để bảo đảm tính vô tư, từ đó củng cố công bằng ngay từ nền móng tổ chức. Về thời hạn hợp lý, kinh nghiệm pháp điển hoá thoả thuận nhận tội trong truyền thống dân luật (Civil Law) được xem là “biện pháp khắc phục lập pháp” nhằm xử lý tình trạng kéo dài tố tụng, miễn là vẫn bảo đảm tính tự nguyện và khả năng bào chữa²¹. Về xét xử vắng mặt, các phân tích trong bối cảnh chuyển đổi pháp luật nhấn mạnh chuẩn hợp lệ nghiêm ngặt (triệu tập đầy đủ, quyền tái thẩm) để không đánh đổi quyền con người lấy hiệu quả thủ tục. Bổ sung gần đây còn có cảnh báo về việc áp dụng AI trong lượng hình: thuật toán thiếu minh bạch có thể làm xói mòn tính vô tư của tiến trình, do đó cần khung trách nhiệm giải trình và minh bạch như một “lan can” thể chế bảo vệ công bằng thời số hoá²².

cases in Pakistan”, *Journal of Financial Crime*, Vol. 32, No. 3, DOI: 10.1108/JFC-05-2024-0160

²¹ Andrei-Viorel IUGAN (2025), “Legislative Remedies to Ensure the Reasonable Term in a Criminal Trial. The Plea Agreement: Romania’s Experience”, *Balkan Social Science Review*, Vol. 25, tr. 225 - 247, DOI: 10.46763/BSSR252525225i

²² Muthukuda Arachchige Dona Shiroma Jeeva Shirajanie Niriella (2025), “Artificial Intelligence and Sentencing Practices: Challenges and Opportunities for Fairness and Justice in the Criminal Justice System

Nhóm nghiên cứu này nhìn chung coi công bằng là tính hợp pháp và hợp lý của toàn bộ tiến trình, đặt trọng tâm vào cấu trúc thể chế nhiều hơn là quyền phòng vệ đơn lẻ.

Ngoài ra, các nghiên cứu định lượng cho thấy nhận thức về công bằng trong tố tụng có tương quan đáng kể với niềm tin thể chế và thậm chí với cảm nhận an toàn của công chúng, qua đó ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ và hợp tác với cơ quan công vụ. Một ví dụ gần đây mở rộng mô hình liên hệ giữa công bằng trong tố tụng và nỗi sợ tội phạm, gợi ý rằng “cảm nhận công bằng” không chỉ là giá trị mang tính quy phạm mà còn có hệ quả xã hội học hành vi đo lường được²³. Những phát hiện này củng cố yêu cầu đặt công bằng ở vị trí trung tâm của quản trị tư pháp hình sự, đồng thời mở ra cầu nối giữa luật học với khoa học hành vi. Một số công bố quốc tế nhưng trong bối cảnh Việt Nam gần đây cũng đã bắt đầu tiếp cận công bằng tố tụng dưới góc độ bảo đảm pháp lý công bằng (due process) và quyền được xét xử công bằng (fair trial rights) theo chuẩn mực quốc tế. Tiêu biểu, tác giả Bùi Tiến Đạt đã chỉ ra sự lệch chuẩn giữa thiết kế thể chế và nguyên tắc công bằng tố tụng, phản ánh khoảng trống giữa quy định và thực tiễn trong việc bảo đảm “due process”²⁴. Tiếp nối

hướng tiếp cận đó, tác giả này phân tích tiến trình hình thành học thuyết “due process” trong pháp luật Việt Nam từ di sản tư duy pháp luật Xô Viết đến xu hướng hội nhập vào chủ nghĩa hiến định toàn cầu²⁵. Hai công trình này cho thấy rõ Việt Nam đang chuyển dần từ cách tiếp cận thủ tục hình thức sang khung pháp lý mang tính hiến định, trong đó công bằng tố tụng được xem như nguyên tắc nền tảng của cải cách tư pháp.

Thứ ba, hướng nghiên cứu tiếp cận công bằng dưới góc độ hiến pháp và xã hội học pháp lý. Cách tiếp cận này xem công bằng không chỉ là quy tắc của quy trình xét xử mà còn là giá trị nền tảng củng cố niềm tin công chúng và tính minh bạch. Có thể thấy rằng, hai hướng nghiên cứu trên là chủ đạo nhưng hướng thứ ba này mang lại một giá trị hoàn toàn mới lạ khi có những công trình mở rộng khái niệm công bằng sang bình diện xã hội và hiến định. Liu và Wu chứng minh công bằng trong tố tụng ảnh hưởng trực tiếp đến cảm nhận tội phạm và niềm tin xã hội. Qua đó khẳng định công bằng là điều kiện duy trì trật tự pháp quyền²⁶. Sobko và cộng sự, khi phân tích cải cách tạm giam ở Ukraina, cho thấy việc cân bằng giữa hiệu quả của biện pháp tạm giam và yêu cầu bảo vệ quyền con

in Sri Lanka”, *International Annals of Criminology*, Vol. 62, Nos. 3 - 4, DOI: 10.1017/crj.2024.24

²³ Jianhong Liu, Guangzhen Wu (2025), “Procedural Fairness and Fear of Crime: Extending the Procedural Justice Theoretical Model Under the Chinese Context”, *Crime & Delinquency*, Vol. 71, No. 4, DOI: 10.1177/00111287221150422

²⁴ Dat T. Bui (2020), “Due-process-evading justice: The case of Vietnam”, *International Journal of Law, Crime and Justice*, Vol. 63, Article 100426,

DOI: 10.1016/j.ijlcrj.2020.100426

²⁵ Dat T. Bui (2021), “A Quest for Due Process Doctrine in Vietnamese Law: From Soviet Legacy to Global Constitutionalism”, *The Chinese Journal of Comparative Law*, Vol. 9, No. 2, DOI: 10.1093/cjcl/cxab009

²⁶ Jianhong Liu, Guangzhen Wu (2025), “Procedural Fairness and Fear of Crime: Extending the Procedural Justice Theoretical Model Under the Chinese Context”, *Crime & Delinquency*, Vol. 71, No. 4, DOI: 10.1177/00111287221150422

người phụ thuộc đáng kể vào các bảo đảm pháp lý và cơ chế kiểm soát²⁷.

Phân tích tần suất từ khoá trong các công trình được lựa chọn cho thấy xét xử công bằng (fair trial), quyền được xét xử công bằng (right to a fair trial), công bằng tố tụng (procedural fairness), quyền con người (human rights) và nhà nước pháp quyền (rule of law) là những thuật ngữ xuất hiện nổi bật trong nghiên cứu giai đoạn 2020-2025. Kết quả này cho thấy các nghiên cứu quốc tế vẫn tập trung chủ yếu vào những chuẩn mực nền tảng của công bằng tố tụng, đặc biệt là quyền được xét xử công bằng, quyền con người, tính hợp pháp của thủ tục và các bảo đảm của nhà nước pháp quyền. Phân tích đồng xuất hiện từ khoá bằng VOSviewer tiếp tục làm rõ mối liên hệ giữa các chủ đề nghiên cứu. Xét xử công bằng (fair trial) và quyền con người (human rights) có mối liên hệ nổi bật với Toà án Nhân quyền châu Âu (European Court of Human Rights), cho thấy ảnh hưởng đáng kể của hệ thống ECHR đối với nghiên cứu về công bằng tố tụng. Trong khi đó, các thuật ngữ điều tra số (digital investigation), biện pháp phòng, chống tội phạm điện tử (electronic crime countermeasures), chứng cứ số (digital evidence) và trí tuệ nhân tạo (artificial intelligence) đã xuất hiện trong tập dữ liệu nhưng có mức độ liên kết thấp hơn với các cụm chủ đề trung tâm. Điều này cho thấy các vấn đề công nghệ đang dần được tích hợp vào nghiên cứu về công bằng tố

tụng nhưng chưa hình thành mức độ liên kết tương đương với các chủ đề truyền thống.

Nhìn tổng thể, kết quả phân tích từ khoá cho thấy nghiên cứu về công bằng trong tố tụng hình sự đang phát triển theo hai chủ đề: *một là*, tiếp tục duy trì trọng tâm đối với các chuẩn mực truyền thống về xét xử công bằng, quyền con người và nhà nước pháp quyền; *hai là*, đang từng bước mở rộng sang những vấn đề phát sinh từ chứng cứ điện tử, điều tra số và trí tuệ nhân tạo. Sự chuyển dịch này tạo cơ sở để đối chiếu với tình hình nghiên cứu tại Việt Nam, qua đó xem xét mức độ hiện diện của ba hướng tiếp cận đã được nhận diện: bảo đảm quyền tố tụng cá nhân; bảo đảm tính hợp pháp của thủ tục và thiết kế thể chế và tiếp cận công bằng dưới góc độ hiến pháp và xã hội học pháp lý.

Bên cạnh đó, kết quả phân tích tần suất và đồng xuất hiện các từ khoá nêu trên có thể nhận diện ba khoảng trống đáng chú ý:

Thứ nhất, mặc dù các vấn đề về chứng cứ điện tử, điều tra số và trí tuệ nhân tạo đã xuất hiện trong nghiên cứu nhưng chúng chưa tạo thành một cụm học thuật có mức độ liên kết tương đương với các chủ đề truyền thống về xét xử công bằng (fair trial) và quyền con người (human rights). Điều này cho thấy việc tích hợp các chuẩn mực công bằng vào bối cảnh công nghệ số vẫn đang trong quá trình hình thành.

Thứ hai, sự liên kết nổi bật giữa xét xử công bằng (fair trial), quyền con người (human rights) và Toà án nhân quyền châu Âu (European Court of Human Rights) cho thấy nghiên cứu hiện tại tập trung đáng kể vào không gian pháp lý châu Âu, trong khi các hệ thống pháp luật ở châu Á và châu Phi hiện diện ít hơn

²⁷ Ganna Sobko, Andrii Svintsytskyi, Oleh Pushkar, Volodymyr Butynskyi, Yuliya Shvets (2025), "Reforming Ukraine's Pre-Trial Custody Measures: An International Law Perspective", *Khazanah Hukum*, Vol. 7, No. 1, DOI: 10.15575/kh.v7i1.37796

trong tập dữ liệu, làm hạn chế khả năng đối thoại xuyên khu vực.

Thứ ba, các khái niệm liên quan đến niềm tin công chúng (public trust), minh bạch tư pháp (judicial transparency), tiếp cận công lí (access to justice) xuất hiện ít và phân tán hơn, cho thấy chiều cạnh xã hội của công bằng tố tụng chưa hình thành thành một hướng nghiên cứu mạnh.

Ba khoảng trống này lần lượt liên quan

đến công nghệ, phạm vi địa lí của nghiên cứu và chiều cạnh niềm tin công chúng, đồng thời tạo cơ sở để đối chiếu với bối cảnh Việt Nam.

2.3. Hàm ý cho Việt Nam

Dữ liệu tổng hợp từ các công trình nghiên cứu trong nước giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy bức tranh học thuật về công bằng trong tố tụng hình sự tại Việt Nam đang được hình thành nhưng vẫn phân tán theo từng mảng chuyên đề nhỏ, cụ thể.

STT	Chủ đề nghiên cứu	Số lượng bài	Nhận xét chính
1	Nguyên tắc công bằng	4	Còn hạn chế, mới ở mức khái niệm chung
2	Chế định phiên dịch, dịch thuật	2	Gắn với bảo đảm quyền tiếng nói, chữ viết trong tố tụng hình sự
3	Quyền im lặng	21	Nhiều nhất, phản ánh quan tâm thực tiễn nhưng chủ yếu quy phạm, chưa có khảo sát
4	Quyền xét xử công bằng	6	Rời rạc, chưa xây dựng khung lí thuyết thống nhất
5	Quyền của người bị tạm giữ, tạm giam	28	Tập trung vào giai đoạn dễ bị xâm phạm quyền, nhưng còn thiếu nghiên cứu về giám sát độc lập
6	Công bằng trong bối cảnh công nghệ	10	Xu hướng mới, cảnh báo rủi ro AI và xét xử trực tuyến, chưa có khung pháp lí rõ ràng
7	Sự tham gia của người bào chữa	6	Nặng về phân tích câu chữ, quy định của pháp luật mà chưa đi sâu nghiên cứu thực tiễn

Thống kê nghiên cứu tại Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025

Nguồn thống kê từ Bộ Khoa học và Công nghệ (<https://sti.vista.gov.vn/>) và tạp chí ngành luật có điểm từ 0.5 trở lên theo Danh mục của Hội đồng Giáo sư nhà nước ban hành năm 2025.

Kết quả thống kê cho thấy, trong các nghiên cứu về công bằng trong tố tụng hình sự ở Việt Nam, chủ đề được quan tâm nhiều nhất là quyền của người bị tạm giữ, tạm giam và quyền im lặng. Đây là những biện pháp trong tố tụng hình sự ảnh hưởng đến quyền con người, nơi nguy cơ lạm dụng

quyền lực và vi phạm nhân quyền thường xảy ra, nên hướng nghiên cứu này nhận được sự quan tâm nhiều nhất. Tuy nhiên, điểm yếu là các công trình chủ yếu sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu quy phạm kết hợp so sánh luật, ít nghiên cứu thực chứng. Điều này tạo ra khoảng trống cả về lí luận lẫn thực tiễn,

pháp luật Việt Nam thiếu cơ chế giám sát độc lập, trong khi các nhà nghiên cứu chưa cung cấp đủ bằng chứng thực nghiệm để đánh giá mức độ thực thi quyền này trong thực tiễn. Ngược lại, những chủ đề như nguyên tắc công bằng tố tụng và quyền xét xử công bằng lại ít được khai thác²⁸. Sự thiếu vắng một khung lý thuyết chung dẫn đến tình trạng các nghiên cứu còn phân tán theo từng quyền hoặc từng bảo đảm tố tụng cụ thể. Trong khi đó, trong nghiên cứu quốc tế, các vấn đề này thường được xem xét trong khuôn khổ quyền được xét xử công bằng (fair trial), đặc biệt gắn với Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR). Các nghiên cứu liên quan đến sự tham gia của người bào chữa²⁹ và phiên dịch³⁰ tuy ít nhưng đặt ra câu hỏi quan trọng về khả năng tiếp cận bình đẳng công lý của các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, người nghèo. Đây là điểm mà các nghiên cứu quốc tế nhấn mạnh nhưng Việt Nam còn bỏ ngỏ. Cuối cùng, xu hướng mới về công bằng trong bối cảnh

công nghệ cho thấy Việt Nam đã bước vào cùng quỹ đạo nghiên cứu toàn cầu. Tuy nhiên, các bài viết chủ yếu cảnh báo rủi ro mà chưa hình thành khung pháp lý. Đây là khoảng trống đáng kể, nhất là khi phiên tòa trực tuyến³¹ đã được triển khai, trong khi việc ứng dụng AI trong lĩnh vực pháp lý ngày càng trở thành vấn đề được quan tâm trong nghiên cứu và chính sách tư pháp³².

Khi đối chiếu kết quả tổng quan quốc tế với thống kê nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy sự khác biệt khá rõ về trọng tâm học thuật. Nghiên cứu quốc tế tập trung đáng kể vào các nhóm vấn đề như: liên quan đến bảo đảm quyền tố tụng, thể hiện qua các chủ đề như bình đẳng trong tranh tụng, quyền có luật sư, quyền được xét xử công bằng và loại trừ chứng cứ thu thập trái pháp luật; bảo đảm về thủ tục và thể chế, bao gồm thẩm phán đúng thẩm quyền, thời hạn hợp lý, tính minh bạch, trí tuệ nhân tạo và tư pháp số, vấn đề mở rộng công bằng ra ngoài các bảo đảm tố

²⁸ Lê Xuân Lục (2024), “Bàn về nguyên tắc xét xử công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, số 6 (78), <https://khoa.hoc.kiemsat.hpu.vn/portal/article/view/406>, truy cập 19/8/2025.

²⁹ Nguyễn Phú Lâm (2023), “Chế định bào chữa bắt buộc trong tố tụng hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 335, <https://vi.quanlynhanuoc.vn/qlnn/article/view/713>, truy cập 20/3/2025.

³⁰ Trần Thảo (2023), “Chế định người phiên dịch, người dịch thuật trong tố tụng hình sự - Một số vấn đề cần hoàn thiện”, *Tạp chí Dân chủ pháp luật*, <https://danchuphapluat.vn/che-dinh-nguoi-phien-dich-nguoi-dich-thuat-trong-to-tung-hinh-su-mot-so-van-de-can-hoan-thien-4257.html>, truy cập 20/3/2025.

³¹ Hoàng Anh Tuyên (2024), “Chính sách pháp luật tố tụng hình sự về bảo vệ quyền con người trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, số 01, <https://khoa.hoc.kiemsat.hpu.vn/portal/article/view/327>, truy cập 20/3/2025.

Hà Viết Toàn, Nguyễn Tất Duẩn (2025), “Một số vấn đề về xét xử trực tuyến trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-ve-xet-xu-truc-tuyen-trong-giai-doan-hien-nay13923.html>, truy cập 20/3/2025.

³² Hoàng Lâm (2025), “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam: cơ hội, thách thức và định hướng phát triển”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/ung-dung-tri-tue-nhan-tao-trong-he-thong-phap-luat-viet-nam-co-hoi-thach-thuc-va-dinh-huong-phat-trien13897.html>, truy cập 20/3/2025.

tụng riêng lẻ để xem xét mối liên hệ giữa công bằng với tính chính danh của thiết chế tư pháp, niềm tin công chúng và minh bạch tư pháp. Trong khi đó, nghiên cứu ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào các quyền cụ thể của người bị buộc tội và các biện pháp ngăn chặn, đặc biệt là tạm giữ, tạm giam, quyền im lặng và quyền bào chữa. Các nghiên cứu trực tiếp về nguyên tắc công bằng và quyền được xét xử công bằng vẫn chiếm tỉ trọng hạn chế hơn và chưa hình thành một khung lý luận thống nhất. Sự khác biệt này cho thấy học thuật Việt Nam vẫn chủ yếu tiếp cận công bằng từ từng bảo đảm quyền riêng lẻ, trong khi nghiên cứu quốc tế đang mở rộng sang cấu trúc thể chế, minh bạch tư pháp và những thách thức của công nghệ. Kết quả tổng quan quốc tế và thống kê nghiên cứu trong nước bổ sung cho nhau trong việc xác định vị trí của Việt Nam trong diễn ngôn về công bằng tố tụng hình sự. Phân tích quốc tế cho thấy sự dịch chuyển từ các quyền tố tụng truyền thống sang những vấn đề về cấu trúc thể chế, minh bạch và công nghệ, trong khi các nghiên cứu tại Việt Nam phản ánh sự quan tâm nổi bật đến những quyền có nguy cơ bị xâm phạm trực tiếp trong quá trình áp dụng biện pháp cưỡng chế và buộc tội. Sự khác biệt này không chỉ cho thấy khoảng trống nghiên cứu mà còn gợi mở hướng phát triển: công bằng tố tụng tại Việt Nam cần được nghiên cứu như một cấu trúc tổng thể kết nối quyền cá nhân, tính hợp pháp của thủ tục, kiểm soát quyền lực tư pháp và các bảo đảm mới trong môi trường số.

3. Khuyến nghị và kết luận

Kết quả tổng quan hệ thống cho thấy

công bằng trong tố tụng hình sự đang được quốc tế tiếp cận theo ba bình diện chính: bảo đảm các quyền cụ thể của bị can, bị cáo trong quá trình tố tụng; thiết kế thủ tục và cấu trúc tố tụng hợp pháp, hợp lý và mở rộng công bằng thành nguyên tắc hiến định gắn với niềm tin công chúng và tính minh bạch của tư pháp. Trong khi đó, nghiên cứu tại Việt Nam chủ yếu tiếp cận và phân tích riêng lẻ từng quyền phòng vệ (quyền im lặng, quyền bào chữa, quyền của người bị tạm giữ, tạm giam) mà chưa hình thành một diễn ngôn đầy đủ về công bằng tố tụng như một chuẩn mực hiến định tổng thể. Điều này mang lại ba ý nghĩa học thuật và thực tiễn:

Thứ nhất, khoảng trống nghiên cứu đặt ra nhu cầu mở rộng các phân tích từ góc độ quyền đơn lẻ sang khung khái niệm hệ thống, qua đó tiệm cận với xu thế học thuật quốc tế.

Thứ hai, việc đối chiếu cho thấy Việt Nam đang ở điểm giao giữa hai trực tiếp cận: bảo đảm quyền cá nhân và bảo đảm tính hợp pháp của thủ tục. Việc dung hoà hai trực này không chỉ giúp nâng cao chất lượng tố tụng mà còn củng cố niềm tin pháp quyền trong xã hội.

Thứ ba, các thách thức mới như tố tụng điện tử, xét xử trực tuyến hay sử dụng trí tuệ nhân tạo trong tố tụng đòi hỏi pháp luật Việt Nam phải xây dựng những “hành lang” thủ tục mới nhằm bảo đảm công bằng trong bối cảnh số hoá.

Từ những phân tích này, có thể khuyến nghị hướng nghiên cứu tiếp theo tại Việt Nam nên tập trung vào việc định hình nguyên tắc công bằng tố tụng như một chuẩn hiến định nền tảng, thay vì chỉ dừng ở các quyền đơn lẻ. Đồng thời, cần có các nghiên cứu chuyên sâu hơn về tính công khai, tính vô tư của toà

án cũng như tác động của công nghệ tới khả năng tự vệ của bị cáo. Đây là con đường để gắn kết pháp luật Việt Nam với chuẩn mực quốc tế, đồng thời bảo đảm công lí được thực hiện trong thực tiễn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ana Lúcia Tavares Ferreira (2025), “Remote Hearings in Criminal Procedures and Prisoners’ Fundamental Rights: Is Videoconferencing the New Metal Cage?”, *European Journal of Crime, Criminal Law and Criminal Justice*, Vol. 33, Nos. 1 - 2, DOI: 10.1163/15718174-bja10066
2. Andrei-Viorel IUGAN (2025), “Legislative Remedies to Ensure the Reasonable Term in a Criminal Trial. The Plea Agreement: Romania’s Experience”, *Balkan Social Science Review*, No. 25, DOI: 10.46763/BSSR252525225i
3. Dat T. Bui (2020), “Due-process-evading justice: The case of Vietnam”, *International Journal of Law, Crime and Justice*, Vol. 63, Article 100426, DOI: 10.1016/j.ijlcj.2020.100426
4. Dat T. Bui (2021), “A Quest for Due Process Doctrine in Vietnamese Law: From Soviet Legacy to Global Constitutionalism”, *The Chinese Journal of Comparative Law*, Vol. 9, No. 2, DOI: 10.1093/cjcl/cxab009
5. Đặng Văn Vương, Xuân Thoại (2022), “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm - Quy định và thực tiễn thực hiện”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*, <https://lsvn.vn/nguyen-tac-tranh-tung-trong-xet-xu-duoc-bao-dam-quy-dinh-va-thuc-tien-thuc-hien1650638840-a117931.html>
6. Ganna Sobko, Andrii Svintsytskyi, Oleh Pushkar, Volodymyr Butynskyi, Yuliya Shvets (2025), “Reforming Ukraine’s Pre-Trial Custody Measures: An International Law Perspective”, *Khazanah Hukum*, Vol. 7, No. 1, DOI: 10.15575/kh.v7i1.37796
7. Giovana Peluso Lopes (2025), “Bias in Adjudication and the Promise of AI: Challenges to Procedural Fairness”, *Law, Technology and Humans*, Vol. 7, No. 1, DOI: 10.5204/lthj.3812
8. Hà Viết Toàn, Nguyễn Tất Duẩn (2025), “Một số vấn đề về xét xử trực tuyến trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-ve-xet-xu-truc-tuyen-trong-giai-doan-hien-nay13923.html>
9. Hoàng Anh Tuyên (2024), “Chính sách pháp luật tố tụng hình sự về bảo vệ quyền con người trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, số 1 (73), <https://khoahockiemsat.hpu.vn/portal/article/view/327>
10. Hoàng Lâm (2025), “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Cơ hội, thách thức và định hướng phát triển”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/ung-dung-tri-tue-nhan-tao-trong-he-thong-phap-luat-viet-nam-co-hoi-thach-thuc-va-dinh-huong-phat-trien13897.html>
11. Jianhong Liu, Guangzhen Wu (2025), “Procedural Fairness and Fear of Crime: Extending the Procedural Justice Theoretical Model Under the Chinese Context”, *Crime & Delinquency*, Vol. 71, No. 4, DOI: 10.1177/00111287221150422

12. Lala Mammadova (2025), “The Role of in Absentia Trials in Azerbaijan: Balancing Judicial Efficiency and Fair Trial Rights During Legal Transition”, *Revista Jurídica Portucalense*, No. 37, DOI: 10.34625/issn.2183-2705(37)2025.ic-20
13. Lê Xuân Lục (2024), “Bàn về nguyên tắc xét xử công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, số 6 (78), <https://khoahockiemsat.hpu.vn/portal/article/view/406>
14. Lora Briški (2025), “Modification of criminal charges: European line between a Kafkaesque process and a fair trial”, *New Journal of European Criminal Law*, Vol. 16, No. 2, DOI: 10.1177/20322844251348130
15. Marcell Fényes, Krisztina F. Rozsnyai (2025), “Chambers or Panels? - (Un)ambiguity in the Administration of Hungarian Courts?”, *International Journal for Court Administration*, Vol. 16, No. 1, DOI: 10.36745/ijca.591
16. Matthew J. Page et al. (2021), “The PRISMA 2020 statement: an updated guideline for reporting systematic reviews”, *BMJ*, Vol. 372, Article n71, DOI: 10.1136/bmj.n71
17. Muhammad Fahad Anwar (2025), “Admissibility of illegally obtained evidence in money laundering cases in Pakistan”, *Journal of Financial Crime*, Vol. 32, No. 3, DOI: 10.1108/JFC-05-2024-0160
18. Muthukuda Arachchige Dona Shiroma Jeeva Shirajanie Niriella (2025), “Artificial Intelligence and Sentencing Practices: Challenges and Opportunities for Fairness and Justice in the Criminal Justice System in Sri Lanka”, *International Annals of Criminology*, Vol. 62, Nos. 3 - 4, DOI:10.1017/cr.2024.24
19. Nguyễn Phú Lâm (2023), “Chế định bào chữa bắt buộc trong tố tụng hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 335, DOI: 10.59394/qlnn.335.2023.713
20. Roberto E. Kostoris (2025), “Against ‘Al Khawaja and Tahery’ and the following ECtHR case law: The need to seek basic principles of fair trial assessment to prevent abuses and manipulations”, *New Journal of European Criminal Law*, Vol. 16, No. 1, DOI: 10.1177/20322844251319123
21. Trần Thảo (2023), “Chế định người phiên dịch, người dịch thuật trong tố tụng hình sự - Một số vấn đề cần hoàn thiện”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật điện tử*, <https://danchuphapluat.vn/che-dinh-nguoi-phien-dich-nguoi-dich-thuat-trong-to-tung-hinh-su-mot-so-van-de-can-hoan-thien-4257.html>
22. Võ Minh Kỳ (2018), “Quyền im lặng của người bị buộc tội và các bảo đảm pháp lý trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 13 (340), <https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/207231/Quy-en-im-lang-cua-nguoi-bi-buoc-toi-va-cac-dam-bao-phap-ly-trong-to-tung-hinh-su.html>
23. Võ Quốc Tuấn (2022), “Quyền được xét xử công bằng của bị cáo tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự ở Việt Nam - Thực trạng và kiến nghị”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 4, <https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/211040/Quy-en-duoc-xet-xu-cong-bang-cua-bi-cai-tai-phien-toa-xet-xu-vu-an-hinh-su-o-Viet-Nam----Thuc-trang-va-kien-nghi.html>